TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 21-02-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Ông Hồ Chí Tâm

Ông Lê Minh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2018/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Phạm Bạch Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Võ Kim H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Phạm Bạch Đ, nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Bạch Đ trình bày:

Ông Đ, bà H kết hôn năm 1990, đăng ký kết hôn ngày 04/01/1993 tại UBND xã M, huyện T. Năm 1993, có con đầu lòng. Đến năm 1997, bà H bệnh tim nên đòi về nhà mẹ ruột sống không chịu ở bên chồng. Năm 2002-2003, có chương trình từ thiện của Bệnh viện C trị hết. Suốt thời gian đó, ông Đ đi làm thuê, phụ lo cho bà H và cha mẹ ông Đ có cho thêm mấy mươi triệu đồng trị bệnh. Năm 2006, bà H trị bệnh về rồi phát sinh mâu thuẫn với gia đình bên ông Đ. Lý do, mẹ ông Đ cho 2 anh trai đất nhưng bà H không đồng ý nên khiếu nại

ra xã. Khi mẹ ông Đ chết, bà H vẫn không về thăm. Đám tiệc bà H không về và cũng không cho các con về. Từ đó, hôn nhân rạn vỡ, bà H không chịu về nhà thờ ở và bảo ông Đ xây nhà ở là nhà tiền chế trên phần đất của cha mẹ ông Đ cho.

Nay ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà H. Thời gian chung sống đến nay, bà H, ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1993 (đã trưởng thành) và Nguyễn Bạch Kim H, sinh ngày 31/3/2004. Khi ly hôn, ông Đ đồng ý giao bà H nuôi cháu H, ông cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà Võ Kim H trình bày:

Bà H và ông Đ kết hôn năm 1990, đăng ký kết hôn ngày 04/01/1993 tại UBND xã M, huyện T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vào tháng 02/2017, ông Đ ngoại tình rồi bỏ nhà đi ở với người phụ nữ khác đến nay không về, không còn quan tâm đến vợ con. Tuy nhiên, bà H còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn, mong muốn ông Đ quay về sống chung. Thời gian chung sống đến nay, bà H, ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1993 (đã trưởng thành) và Nguyễn Bạch Kim H, sinh ngày 31/3/2004. Hiện cháu H đang được bà H nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 69/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Phạm Bạch Đ đối với bà Võ Kim H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo.

Ngày 30/10/2018, ông Nguyễn Phạm Bạch Đ kháng cáo yêu cầu xin ly hôn với bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Đ không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Phạm Bạch Đ trình bày: Ông xác định không còn tình cảm với bà H và cương quyết yêu cầu xin ly hôn. Lý do vợ chồng có nhiều bất đồng mâu thuẫn, bà H không làm tròn bổn phận làm dâu với gia đình bên chồng và đã ly thân hơn 02 năm nên vợ chồng không thể hàn gắn. Khi ly hôn ông đồng ý giao con Nguyễn Bạch Kim H cho bà H nuôi và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 01 triệu đồng.

Bà Võ Kim H trình bày: Bà xác định luôn làm tròn bổn phận làm vợ, làm dâu và không hề có lỗi với chồng. Chính ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, là người có lỗi, bà muốn tiếp tục hôn nhân với ông Đ để cùng nhau nuôi con. Trường hợp Tòa xử cho ly hôn bà yêu cầu nuôi con Nguyễn Bạch Kim

H, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng. Về tài sản bà yêu cầu giao nhà đất cho bà để có điều kiện nuôi dạy con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Ông Đ xác định không còn tình cảm với bà H cương quyết yêu cầu xin ly hôn và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng có nhiều bất đồng mâu thuẫn, đã ly thân hơn hai năm nên mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ.

Về con chung vợ chồng thống nhất giao con Nguyễn Bạch Kim H cho bà H nuôi dưỡng, được cháu H đồng ý nên cần giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dạy. Ông Đ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 01 triệu đồng nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung các bên không thỏa thuận được và Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Với lý do trên đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Đ xác định không còn tình cảm với bà H, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và cương quyết yêu cầu xin ly hôn. Thấy rằng, vợ chồng có nhiều bất đồng mâu thuẫn, đã ly thân hơn hai năm tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ.

[2] Về con chung, ông Đ và bà H thống nhất giao con Nguyễn Bạch Kim H cho bà H nuôi dưỡng và cháu H cũng đồng ý nên cần giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dạy. Ông Đ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 01 triệu đồng nhưng bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ và bà H không thỏa thuận được việc chia tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Các đương sự có tranh chấp sẽ được Tòa án thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Từ nhưng căn cứ trên, cần chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm. Ông Đ phải chịu án phí sơ thẩm, không chịu án phí phúc thẩm.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phạm Bạch Đ.

Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Phạm Bạch Đ được ly hôn với bà Võ Kim H.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Bạch Kim H sinh ngày 31/3/2004 cho bà Võ Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Phạm Bạch Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Võ Kim H không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Phạm Bạch Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do ông Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003728 ngày 17/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T; ông Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Phạm Bạch Đ không phải chịu; hoàn trả cho ông Đ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003951 ngày 31/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc